TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2020
"Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghề
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Đào
Bà Lương Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 200/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24/6/2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Quốc T, sinh năm 1977 (có mặt);
Địa chỉ: ấp 11, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
Bị đơn: Chị Trần Thị Mai T, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt);
Địa chỉ: ấp 11, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 30/3/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Võ Quốc T trình bày:

Vào năm 1996, anh kết hôn cùng với chị Trần Thị Mai T. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng trong cách sống, sinh hoạt, vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống không có hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay, anh nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên: Võ Tuấn A – sinh ngày 03/3/1998, đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, anh Võ Quốc T yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Mai T; Về con chung, do con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung, không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 08/7/2020, bị đơn chị Trần Thị Mai T thống nhất lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng nên không trình bày gì thêm.

Nguyện vọng: Về hôn nhân, chị Trần Thị Mai T đồng ý ly hôn với anh Võ Quốc T; về con chung, do con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên anh Võ Quốc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Mai T được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Chị Trần Thị Mai T với tư cách là bị đơn trong vụ án, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh Võ Quốc T và chị Trần Thị Mai T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống cho đến nay anh chị cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau. Xét, hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp nên căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị T có 01 con chung tên Võ Tuấn A – sinh ngày 03/3/1998. Anh chị đều thống nhất xác định con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị T đều xác định anh chị không có tài sản chung cũng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đ anh T phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Võ Quốc T và chị Trần Thị Mai T là quan hệ vợ chồng.

2/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Võ Quốc T phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005052, ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Võ Quốc T đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

3/ Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/8/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *UBND xã VHH Bắc;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Thành Nghề